

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Anh

2. Ông Phạm Chí Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16/5/2023, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-ST ngày 22/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Khu 07, xã Y, huyện Đ, tỉnh P

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khu 07, xã Y, huyện Đ, tỉnh P

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Bùi Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến D kết hôn năm 2011 trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Y, huyện Đ. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh D, được một thời gian vợ chồng làm nhà ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện T ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị D và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 24/9/2011 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/11/2015. Cháu T đang ở

với anh D, còn cháu L đang ở với chị D. Sau khi ly hôn chị D đề nghị anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, còn chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Chị và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình làm việc với bố đẻ anh D là ông Nguyễn Văn Q và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y đều thể hiện: Chị D và anh D đăng ký kết hôn tại UBND xã Y năm 2011 (trước khi lấy chị D, anh D đã ly hôn 1 lần). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, ông Q đều nhận và thông báo lại cho anh D, anh D đều biết và nhất trí việc chị D xin ly hôn nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Tiến D.

- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/11/2015, anh Nguyễn Tiến D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 24/9/2011. Chị D và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị D không đề nghị giải quyết nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Bùi Thị D cư trú tại xã Y, huyện Đ, tỉnh P khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là anh Nguyễn Tiến D cư trú cùng địa chỉ, nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Tiến D đăng ký kết hôn ngày 23/8/2011 tại UBND xã Y, huyện Đ, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa

thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Chính quyền địa phương và gia đình anh D cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh D đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy việc chị D xin ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh D có 2 con chung. Cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/11/2015 đang ở với chị D, còn cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 24/9/2011 đang ở với anh D. Sau khi ly hôn, để đảm bảo quyền lợi cho chị D, anh D và theo nguyện vọng của các con, nên giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, còn anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Chị D và anh D mỗi người nuôi một con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị D không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 11/11/2015, anh Nguyễn Tiến D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 24/9/2011. Chị D và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị D và anh D đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị D phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số: AA/2020/0004418 ngày 16/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị D và anh D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Yên Kiện;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Vũ Thường